TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN THÀNH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2021/DSST Ngày: 12/01/2021. *V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Thành;

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Trịnh Thị Yến.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 12/01/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2020/TLST - DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐST- DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn Điện T, xã Nguyệt Đ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(Có mặt)

Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn Điện T, xã Nguyệt Đ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn Điện T, xã Nguyệt Đ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(Bà N vắng mặt và có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Văn C)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự tại Toà án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày: Do có mối quan hệ quen biết và cùng làng với nhau nên ngày 18/6/2011 (Âm lịch) vợ chồng ông có cho chị Trần Thị L có vay số tiền 300.00.000 đồng. Khi vay hai bên có viết Giấy bên nhận, nhận tiền gửi. Trong giấy biên nhận có ghi nhận tiền gửi không kỳ hạn, lãi suất thỏa thuận nhưng không ghi mức lãi suất cụ thể. Tuy nhiên tại trang sau của Giấy biên nhận này hai bên thống nhất ghi hạn trả là 18/12/2011. Còn mức lãi suất thì

hai bên tự thỏa thuận miệng với nhau là 3%/ tháng. Sau khi cho chị L vay số tiền này, ông xác nhận chị L đã trả tiền lãi cho ông được 3 tháng nhưng số tiền cụ thể là bao nhiêu thì ông không nhớ vì khi chị L trả tiền hai bên không viết giấy tờ gì. Từ sau khi chị L trả ông được 3 tháng tiền lãi đến nay chị L không trả ông được bất kỳ số tiền nào nữa. Đã rất nhiều lần ông đến nhà chị L yêu cầu chị L phải trả vợ chồng ông số tiền gốc và lãi mà chị L còn nợ ông nhưng chị L khất lần không trả.

Nay ông đề nghị Tòa án buộc chị L phải trả vợ chồng ông tổng số tiền gốc và lãi tạm tính từ ngày 18/12/2011 Âm lịch (tức ngày 11/01/2012 Dương lịch) đến hết đến ngày 11/10/2020 là 615.000.000 đồng. Cụ thể:

Số tiền gốc là 300.000.000 đồng.

Số tiền lãi tạm tính từ ngày ngày 11/01/2012 đến hết đến ngày 11/10/2020 là 08 năm 9 tháng (tương ứng với 105 tháng), với mức lãi suất 1%/1 tháng. Như vậy số tiền lãi là: 300.000.000 đồng x 105 tháng x 1%/1tháng = 315.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật ông yêu cầu chị L phải tiếp tục trả tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là chị Trần Thị L trình bày: Do chị và vợ chồng ông C, bà N có quan hệ họ hàng nên vợ chồng ông C đã gửi chị tiền để chị gửi cho chị Trần Thị D, sinh năm 1974 ở thị trấn Hồ để vợ chồng ông C lấy tiền lãi. Chị xác nhận ngày 18/6/2011 (Âm lịch) chị có nhận của vợ chồng ông C số tiền 300.000.000 đồng. Khi chị nhận số tiền này, chị có viết và ký vào Giấy biên nhận, nhận tiền gửi và nội dung viết trong giấy như ông C trình bày là đúng. Tuy nhiên thực tế chị không vay số tiền này của vợ chồng ông C mà chị chỉ nhận để gửi chị D hộ vợ chồng ông C nên khi chị D trả chị lãi suất bao nhiêu thì chị trả vợ chồng ông C bấy nhiêu. Sau khi nhận tiền của ông C, đến ngày trả lãi chị D đưa cho chị và chị đã trả lại ông C. Mức lãi suất có lần thì chị D trả 2%/ tháng, có lần thì 2,5%/ tháng, có lần thì 3%/ tháng. Chị D đã trả cho chị và chị trả cho ông C đến tháng 10/2011 thì chị D bỏ trốn nên không trả chị tiền lãi nữa vì vậy chị cũng không trả được ông C. Từ đó đến nay ông C cũng có vài lần đến nhắc chị phải trả số tiền này nhưng do chị D không trả chị nên chị cũng không có tiền trả ông C. Chị cũng có khất nợ với ông C khi nào chị có tiền chị sẽ trả hoặc đổi ruộng cho ông C nhưng ông C không đồng ý.

Do vậy chị khẳng định chị không vay ông C số tiền này mà thực chất là chị nhận để chị gửi hộ ông C cho chị D. Tuy nhiên do chị D đã bị bắt nên chị cũng đồng ý trả ông C số tiền này nhưng khi nào chị D trả chị thì chị mới trả được ông C. Đối với số tiền lãi mà ông C yêu cầu chị phải trả là 315.000.000 đồng, chị đề nghị ông C cho chị xin vì hiện nay chị đang khó khăn.

Phía người có quyền lợi nghĩa vụ L quan là bà Hoàng Thị N (là vợ của ông Nguyễn Văn C) đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C và có văn bản ủy quyền cho ông C tham gia tố tụng tại Tòa án và được toàn quyền quyết định mọi vấn đề trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc thay bà.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để các bên thỏa thuận với nhau nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc chị Trần Thị L phải trả vợ chồng ông tổng số tiền gốc và lãi tính từ ngày 11/01/2012 đến ngày 11/10/2020 là 615.000.000 đồng.

Chị Trần Thị L đồng ý trả vợ chồng ông C số tiền gốc 300.000.000đồng nhưng chị nào chị D trả chị thì chị sẽ trả lại vợ chồng ông C. Đối với số tiền lãi: Về mức lãi suất cũng như thời gian tính lãi đối với số tiền chị nhận của ông C thì chị cũng đồng ý và không có ý kiến gì tuy nhiên do chị không có khả năng trả nợ nên chị đề nghị vợ chồng ông C cho chị xin toàn bộ số tiền lãi.

Ngoài ra chị L cho rằng chữ ký dưới mục Người vay tại trang sau của Giấy biên nhận, nhận tiền gửi ngày 18/6/2011 có ghi hạn trả 18/12/2011 không phải chữ ký của chị vì giữa chị và ông C không thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng chị không yêu cầu giám định chữ ký. Còn phía ông C khẳng định đúng là chữ ký của chị L.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, các đương sự là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự 2005. Điều 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

Buộc chị Trần Thị L phải trả ông Nguyễn Văn C, bà Hoàng Thị N tổng số tiền gốc và lãi tính từ ngày 11/01/2012 đến ngày 11/10/2020 là 615.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì chị L phải tiếp tục trả tiền lãi cho ông C, bà N theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giấy bên nhận, nhận tiền gửi ngày 18/6/2011 (AL) giữa chị Trần Thị L với ông Nguyễn Văn C, bà Hoàng Thị N là Hợp đồng vay tài sản hợp pháp, khi ký kết các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Trong Giấy biên nhận này thể hiện số tiền chị Trần Thị L nhận của ông C, bà N là 300.000.000 đồng, thời hạn vay không kỳ hạn nhưng không ghi mức lãi suất cụ thể. Tuy nhiên tại trang sau của Giấy biên nhận này ghi hạn trả là 18/12/2011. Xét thấy đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Việc chị Trần Thị L không trả nợ ông Nguyễn Văn C, bà Hoàng Thị N khi đến hạn theo yêu cầu của ông C là vi phạm hợp đồng.

[2] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn C đề nghị Tòa án buộc chị Trần Thị L trả số tiền gốc là 300.000.000đồng. HĐXX nhận thấy: Chị Trần Thị L đã xác nhận chị có nhận của vợ chồng ông C số tiền này và đồng ý trả vợ chồng ông C nhưng do hiện nay chị đang khó khăn nên khi nào chị có tiền hoặc chị D trả chị thì chị sẽ trả lại vợ chồng ông C. Tuy nhiên việc chị L cho rằng số tiền này là chị nhận để gửi hộ vợ chồng ông C cho chị Trần Thị D để lấy lãi nhưng chị L không có chứng cứ chứng minh, phía ông C cũng không thừa nhận nên không có căn cứ để xem xét. Do vậy cần căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 để buộc chị L phải trả vợ chồng ông C số tiền này.

[3] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn C đề nghị Tòa án buộc chị Trần Thị L phải trả số tiền lãi tính từ ngày ngày 11/01/2012 đến ngày 11/10/2020 là 08 năm 9 tháng (tương ứng với 105 tháng) với mức lãi suất là 1%/tháng là 315.000.000 đồng. HĐXX nhận thấy:

Theo phía ông C trình bày lãi suất hai bên tự thỏa thuận miệng với nhau là 3%/ tháng và ông xác nhận sau khi vay chị L đã trả cho ông được 3 tháng tiền lãi. Phía chị L trình bày lãi suất tùy thuộc vào chị Trần Thị D, chị D trả chị bao nhiêu thì chị trả ông C bấy nhiêu, có tháng thì chị D trả 2%, tháng thì 2,5%, tháng thì 3% và chị đã trả ông C nhưng trả được bao nhiêu tháng thì chị không nhớ. Tuy nhiên ngoài lời trình bày của mình thì tất cả các đương sự không có chứng cứ gì chứng minh. Như vậy xác định giữa các đương sự có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất do vậy căn cứ Điều 476 Bộ luật dân sự để tính lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Theo Quyết định số 2868/QĐ- NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước công bố mức lãi suất cơ bản từ ngày 01/12/2010 là 9% năm. Như vậy ông C yêu cầu chị L phải trả mức lãi suất 1%/1tháng, không vượt quá 150% quy định mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là phù hợp quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 nên cần chấp nhận yêu cầu của ông C để buộc chị L phải vợ chồng ông số tiền lãi 315.000.000 đồng.

[4] Đối với việc chị Trần Thị L trình bày do chị không có khả năng trả nợ nên chị đề nghị ông C cho chị xin toàn bộ số tiền lãi. Tuy nhiên phía ông C không đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với việc chị L cho rằng chữ ký dưới mục Người vay tại trang sau của Giấy biên nhận, nhận tiền gửi ngày 18/6/2011 có ghi hạn trả 18/12/2011 không phải chữ ký của chị vì việc chị cho rằng giữa chị và ông C không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Tuy nhiên do chị xác nhận chị có nhận tiền của ông C nên chị đồng ý trả tiền gốc và lãi theo yêu cầu của ông C nên chị không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký và chị cũng không đề nghị gì do vậy HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 147, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

Buộc chị Trần Thị L phải trả ông Nguyễn Văn C, bà Hoàng Thị N số tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 11/01/2012 đến ngày 11/10/2020 là 315.000.000 đồng. Tổng số là 615.000.000 đồng. (Sáu trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự giác chấp hành thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 28.600.000 đồng (Hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn C 14.300.000đồng(Mười bốn triệu ba trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0003677 ngày 02/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Thuận Thành;
- THADS huyện Thuận Thành;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu